

Số: 72/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Hồng Đức

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 506/QĐ-KĐCL ngày 04/7/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Hồng Đức, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XVIII ngày 23 - 24/7/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hồng Đức của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hồng Đức theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hồng Đức cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).



2. Kiến nghị Trường Đại học Hồng Đức cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Hồng Đức.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn



Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐKĐCL ngày 25 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,92
Tiêu chuẩn 1	4,00
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	3,75
Tiêu chuẩn 6	4,14
Tiêu chuẩn 7	4,00
Tiêu chuẩn 8	3,75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,01
Tiêu chuẩn 9	4,00
Tiêu chuẩn 10	4,50
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	3,80

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,97
Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 14	4,00
Tiêu chuẩn 15	3,80
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 19	4,25
Tiêu chuẩn 20	3,75
Tiêu chuẩn 21	4,00
Mục 4. Kết quả hoạt động	3,92
Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 23	4,17
Tiêu chuẩn 24	3,75
Tiêu chuẩn 25	3,50



Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐKĐCL ngày 25 tháng 7 năm 2022

của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hồng Đức giai đoạn 2017-2021 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi được cập nhật phù hợp với xu thế phát triển của Trường, ngành và địa phương; chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 có tiếp cận mới về cả mô hình phát triển với định hướng mục tiêu đổi mới sáng tạo, có đầy đủ ba nhóm giá trị cốt lõi, định vị được chất lượng với tầm nhìn quốc gia và ASEAN, trách nhiệm phát triển địa phương và quốc gia; hệ thống quản trị, cơ cấu quản lý được thiết lập và rà soát đáp ứng yêu cầu các quy định hiện hành; các định hướng chiến lược được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch; chiến lược, kế hoạch phát triển có xác lập KPIs chính cho các lĩnh vực hoạt động để triển khai và giám sát, đánh giá.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập, cải tiến và vận hành với mô hình ba cấp đảm bảo tính hiệu quả trong quản trị, quản lý; đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ; kế hoạch đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa với các mục tiêu chính và được thực hiện hằng năm; thực hiện các hoạt động tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo định kỳ theo kế hoạch; các tồn tại được lập kế hoạch khắc phục, cải tiến; quy trình đảm bảo chất lượng, đối sánh phù hợp; hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng để hỗ trợ các cấp ra quyết định.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học rõ ràng, được công bố công khai và thực hiện theo quy định; chương trình đào tạo, hoạt động dạy và học được định kỳ rà soát, cập nhật hướng đến đạt được chuẩn đầu ra và cơ bản thể hiện được mục tiêu giáo dục của Nhà trường; chiến lược và chính sách phát triển nguồn nhân lực được xây dựng hướng tới tăng chất lượng và trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên; kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được xác lập và thực hiện khá hiệu quả; kết quả nghiên cứu khoa học ở một số lĩnh vực đáp ứng mục tiêu, sứ mạng của Trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả đầu ra của các ngành đào tạo được triển khai và đã có một số biện pháp nhằm tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm các tỉ lệ thôi học, tỉ lệ học lại, thi lại các học phần; các loại hình hoạt động nghiên cứu khá đa dạng; chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học được quan tâm và đầu tư; kết quả nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế và phát minh sáng chế, chuyển giao công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ đạt được những kết quả nhất định; các chỉ số tài chính được xác lập và rà soát, đánh giá định kỳ; định vị được là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong số các Trường trực thuộc các địa phương trong cả nước và đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, định vị lại tầm nhìn để phù hợp với thực tế và mục tiêu hội nhập; quan tâm đến phát triển đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu - phát triển, đổi mới sáng tạo mở, đặc biệt là đổi mới sáng tạo xã hội và cụ thể hoá thành các mục tiêu, chương trình công tác và kế hoạch trung hạn, hàng năm; có các bước đi vững chắc, dài hạn trong xây dựng văn hoá đổi mới sáng tạo.

2. Rà soát, hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm, mục tiêu và công cụ quản trị; bổ sung nguồn lực và công cụ hỗ trợ trong triển khai kế hoạch và hoạt động giám sát của Hội đồng trường; từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị theo quy định; nghiên cứu nội dung và giải pháp thực hiện tốt tự chủ đại học, đặc biệt là tự chủ học thuật, tạo động lực phấn đấu cho các bên liên quan; có giải pháp và sáng kiến chủ động quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng nhân sự đáp ứng yêu cầu quản trị tiên tiến và triển khai thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường trong thời kỳ mới.

3. Có kế hoạch kết nối hiệu quả và đa dạng hơn trong truyền thông để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa nhằm thu hút sự quan tâm của các bên liên quan; có quy định phối hợp giữa Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu theo hướng tương minh và đồng bộ, phù hợp thực tiễn, phát huy vai trò các bên và hướng đến quản trị tiên tiến; xây dựng nguyên tắc, tiêu chí cụ thể để rà soát, đánh giá một cách tổng thể vai trò, nhiệm vụ giữa các đơn vị và cá nhân trong cơ cấu quản lý gắn với kết quả đánh giá năng lực, tính hiệu lực, hiệu quả; có giải pháp giảm tỉ lệ nhân lực gián tiếp.

4. Có hướng dẫn cụ thể về xây dựng và triển khai các chiến lược thành phần, kế hoạch trung hạn và xác định đầy đủ các chỉ tiêu, chỉ số thực hiện chính; có quy trình rà soát, đánh giá mức độ thực hiện, đối sánh trong nước và quốc tế; bổ sung các biện pháp quản trị rủi ro và xác định nguồn lực thực hiện nhằm đảm bảo tính khả thi cho các kế hoạch; xây dựng khung logic cho việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch chiến lược; đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn của Trường và kế hoạch năm học của các đơn vị.

5. Có quy định, hướng dẫn về việc xây dựng các chính sách; có quy trình, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả xã hội của các chính sách đang thực hiện và sau khi cải tiến; nghiên cứu xây dựng các chính sách về phục vụ cộng đồng theo hướng thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa; bổ sung một số chính sách cốt lõi có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học, mức độ đóng góp trong phục vụ cộng đồng.

6. Rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; có phương án tinh giảm bộ phận hành chính, phục vụ; ban hành văn bản quy định cụ thể tiêu chuẩn, khung năng lực của các nhóm vị trí việc làm phù hợp làm cơ sở xác định nhu cầu và đầu tư kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên và nhân viên; có các chính sách và giải pháp tăng tỉ lệ giảng viên đầu ngành có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giữ chân cán bộ, giảng viên và nhân viên giỏi có trình độ cao; rà soát, cập nhật hệ thống văn bản làm công cụ quản lý, điều hành và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên và nhân viên.

7. Xây dựng bổ sung kế hoạch tài chính dài hạn với các mục tiêu, chỉ số cụ thể tạo nguồn lực tài chính, đa dạng hóa nguồn thu, đặc biệt là tăng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và liên kết, hợp tác quốc tế; đánh giá hiệu quả đầu tư, khai thác cơ sở vật chất và hạ tầng, các phòng thí nghiệm, thiết bị; tăng cường đầu tư các nguồn học liệu truyền thống và học liệu mở đáp ứng yêu cầu của các ngành và các trình độ đào tạo; triển khai các biện pháp cải thiện điều kiện môi trường, sức khỏe và đảm bảo an ninh, an toàn môi trường hóa chất thực hành cho cán bộ, giảng viên và nhân viên.

8. Ban hành văn bản quản lý và phân công đơn vị đầu mối trong hoạt động hợp tác trong

nước; hoàn thiện bộ công cụ và thực hiện rà soát tổng thể về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác; phân tích, đánh giá các hoạt động đối ngoại và mạng lưới đối tác trong nước hàng năm; hoàn thiện mạng lưới đối tác chiến lược và có các chính sách, cơ chế cụ thể để tăng cường và khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong triển khai và phát huy hiệu quả các hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyên gia, tư vấn chính sách.

9. Sớm ban hành chiến lược và các chính sách ưu tiên trong đảm bảo chất lượng; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đảm bảo chất lượng và đơn vị chuyên trách đảm bảo chất lượng để tăng hiệu quả quản lý thống nhất thông tin đảm bảo chất lượng bên trong theo chỉ số đầu ra để phục vụ quản trị, quản lý; rà soát, đánh giá tổng thể quy trình lập kế hoạch, xây dựng các bộ chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu để đo lường, đánh giá kết quả đảm bảo đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của Nhà trường giai đoạn đến 2030, tầm nhìn 2045.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên trong công tác đảm bảo chất lượng; cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, phân tích kết quả để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị; tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu chiến lược phát triển Trường; nghiên cứu áp dụng các phần mềm với tính năng phù hợp để tăng hiệu quả quản lý cơ sở dữ liệu và hỗ trợ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

11. Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, về an toàn, bảo mật dữ liệu, ...; cập nhật thông tin đảm bảo chất lượng bên trong theo các yêu cầu chỉ số đầu ra; hoàn thiện hệ thống khảo sát online, phần mềm quản lý thông tin đảm bảo chất lượng có các tính năng quản lý theo lĩnh vực/liên thông dữ liệu đảm bảo sẵn sàng trích xuất phục vụ công tác quản lý; tăng cường rà soát, đánh giá hiệu quả của việc cải tiến về chính sách, quy trình hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng trong việc hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để tiếp tục có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

12. Xây dựng và ban hành đầy đủ các chỉ số đánh giá KPIs về mức độ cải tiến chất lượng các mặt hoạt động cốt lõi; quy định cụ thể các lĩnh vực đối sánh, đối tác đối sánh và triển khai thực hiện thường xuyên để có căn cứ tham chiếu, cải tiến chất lượng các hoạt động hướng đến hội nhập với các cơ sở giáo dục có uy tín trong ASEAN; kết quả đối sánh cần được phân tích, nghiên cứu để xây dựng các giải pháp và kế hoạch phù hợp nhằm thúc đẩy và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

13. Có chính sách đột phá để thu hút thí sinh, nhất là thí sinh khá và giỏi cho các chương trình đào tạo; tham khảo đầy đủ các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội có liên quan và phân tích đa chiều kết quả tuyển sinh để đổi mới chính sách tuyển sinh theo hướng tăng hiệu quả; ban hành quy trình chi tiết và có các hình thức giám sát công tác tuyển sinh, nhập học phù hợp với đặc thù của Trường.

14. Ban hành quy định, hướng dẫn về xây dựng, phát triển chương trình đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ các chương trình đào tạo đảm bảo mức độ đóng góp của các học phần vào đạt chuẩn đầu ra và thể hiện sự tương thích có định hướng giữa nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo; khẩn trương triển khai rà soát, cập nhật các chương trình tiến sĩ để áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022 đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

15. Nghiên cứu xây dựng và công bố chính thức triết lý giáo dục và hướng dẫn chuyển tải vào trong các hoạt động dạy học; nghiên cứu xây dựng quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để gửi sinh viên đi thực tập thực tế; tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm trong từng học phần và trong

các hoạt động ngoại khoá; tăng cường sử dụng các hình thức bài tập lớn, đồ án/tiểu luận học phần; tạo điều kiện tốt hơn nữa để người học tham gia các hoạt động sáng tạo, khởi nghiệp, tham gia các dự án/đề tài nghiên cứu và ứng dụng triển khai.

16. Rà soát, hoàn chỉnh văn bản quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; nghiên cứu xây dựng bộ công cụ hiệu quả và tập huấn, hướng dẫn giảng viên trong thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp; định kỳ thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá để đánh giá độ chính xác, sự tác động của các phương pháp kiểm tra đánh giá đến chất lượng đào tạo; thường xuyên đánh giá tính phù hợp của các hình thức kiểm tra đánh giá và nội dung câu hỏi thi để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học.

17. Nghiên cứu đổi mới hệ thống giám sát phục vụ và hỗ trợ người học; xây dựng bộ tiêu chí giám sát, đánh giá phù hợp; đầu tư phát triển hệ thống kết nối trực tuyến để có thể hỗ trợ người học hiệu quả cả trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp; tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, nhất là đội ngũ nhân lực trực tiếp hỗ trợ người học.

18. Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích đối sánh kết quả đạt được để điều chỉnh, hoàn thiện các chỉ tiêu, chỉ số thực hiện chính trong kế hoạch khoa học công nghệ; tăng cường huy động và đầu tư nguồn lực để nâng cao năng lực, mở rộng quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học để phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với nội lực và yêu cầu của doanh nghiệp, địa phương; hoàn thiện công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ có tính hệ thống; tăng cường số hoá và xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp, cập nhật để khai thác hiệu quả và hoàn thiện chính sách.

19. Xây dựng kế hoạch, định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, tổng kết, rà soát, đánh giá chuyên sâu về công tác quản lý tài sản trí tuệ để có kế hoạch và biện pháp cải tiến cụ thể hơn; xây dựng các KPIs về tài sản trí tuệ và đảm bảo sự kết nối chặt chẽ các KPIs từ chiến lược phát triển đến kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm; quan tâm việc số hóa tài sản trí tuệ để thuận lợi trong tìm kiếm, tiếp cận thông tin và phục vụ công tác quản lý, khai thác; chú trọng phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo ra sản phẩm có thể chuyển giao, thương mại hoá và có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy thương mại hoá các sản phẩm này.

20. Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và thúc đẩy, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác cả chiều rộng và chiều sâu, thu hút đội ngũ chuyên gia có uy tín, chuyên môn cao trong và ngoài nước, chú trọng xây dựng các đối tác có thể mạnh trong các lĩnh vực có liên quan của Nhà trường theo định hướng phát triển để tạo sản phẩm nghiên cứu chung.

21. Phân công đầu mối chuyên trách về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; chú trọng các chính sách phát triển theo hướng xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong cộng đồng đối với người học và cán bộ, giảng viên và nhân viên; xây dựng hệ thống đo lường, giám sát ở cấp trường đối với việc kết nối, phục vụ cộng đồng, trong đó xác định các chỉ số KPIs, mức độ hài lòng và lợi ích của các bên liên quan để định kỳ rà soát, tổng kết và cải thiện.

22. Phân tích xu hướng tỉ lệ người học tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các khối ngành/nhóm ngành khác nhau qua từng năm để có các giải pháp phù hợp tăng tỉ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp sớm; hoàn thiện các hướng dẫn về khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp đảm bảo thu thập được các thông tin tin cậy phục vụ hoạt động rà soát, cải tiến chương trình đào tạo, góp phần tăng cường chất lượng đào tạo của Nhà trường.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp để xác lập mục tiêu, các chỉ số phần đầu chính nhằm thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn; thực hiện đồng bộ các giải pháp đột phá và phù hợp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học, trong đó ưu tiên các nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa; tăng cường huy động các nguồn lực cho nghiên cứu khoa học và công tác sở hữu trí tuệ; xây dựng cơ sở dữ liệu về mức độ hài lòng của các bên liên quan và dữ liệu đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học làm cơ sở cải tiến chính sách, cơ chế thực hiện.

24. Hoàn thiện hệ thống, xác lập, dự đoán mức độ tác động cụ thể và đưa vào kế hoạch hoạt động để hướng tới đạt được các mục tiêu về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; định kỳ giám sát và đối sánh các loại hình và khối lượng, thành phần tham gia; xây dựng hệ thống chỉ báo kết quả thực hiện và các chỉ số tác động xã hội, tác động đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên trong thực hiện kết nối phục vụ cộng đồng; cải tiến phương thức khảo sát để đáp ứng yêu cầu của một điều tra xã hội học về sự hài lòng của các hoạt động phục vụ cộng đồng, đảm bảo độ tin cậy đối với kết quả khảo sát để có căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao hiệu quả của hoạt động.

25. Xây dựng các giải pháp đột phá, đề xuất các cơ chế quản lý tài chính để xác lập và kiểm soát các chỉ số tài chính theo hướng mở, phát huy tự chủ và khai thác đa dạng, có hiệu quả các nguồn thu; xác lập cụ thể các chỉ số thị trường trong các mảng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và chủ động tham gia xếp hạng, đối sánh trong nước và quốc tế; thực hiện đối sánh các chỉ số tài chính và thị trường với các đối tác là các trường đại học ở khu vực và quốc tế; xây dựng và ban hành các quy định hệ thống giám sát tổng thể và cơ sở dữ liệu về các chỉ số thị trường của các hoạt động chính; tăng cường hoạt động kết nối, quảng bá thương hiệu trong nước và quốc tế để nâng cao sự nhận diện, vị thế của Trường và thu hút nguồn lực nhằm thực hiện tầm nhìn trở thành trường đại học đa ngành, chất lượng cao và hội nhập với khu vực ASEAN.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
